

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: **368/2018/HNGĐ – ST.**

Ngày: **31/10/2018.**

V/v: “*Xin ly hôn*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Thanh Hoàng**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Tấn Phước;
2. Bà Trần Thị Trúc Mai.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện A.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hoàng Lưu – Kiểm sát viên.

Ngày **31** tháng **10** năm **2018** tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A. Tòa án nhân dân huyện A, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: **244/2018/TLST – HNGĐ** ngày **25** tháng **7** năm **2018** về việc “*Xin ly hôn*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: **458/2018/QĐST-HNGĐ** ngày **10** tháng **9** năm **2018** giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Trần Thị B**, sinh năm: **1968**;

Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn M**, sinh năm: **1970**;

Cùng cư trú: tổ 43, ấp V, xã V, huyện A, tỉnh An Giang.

(Tại phiên tòa các đương sự vắng mặt. Riêng bà B có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai cùng ngày 18/7/2018 với các tài liệu kèm theo, quá trình tố tụng tại Tòa án bà Trần Thị B trình bày: Hôn nhân giữa bà và ông M là do tự tìm hiểu, yêu thương nhau được hai bên gia đình đồng tổ chức lễ cưới vào năm 1991, đăng ký kết hôn trễ hạn vào ngày 5/4/2007, hai vợ chồng cùng mua bán, thu nhập ổn định. Chung sống được 15 năm thì mâu thuẫn bắt đầu phát sinh. Nguyên nhân là do ông M có hành vi bạo lực gia đình, đã nhiều lần đánh đập hành hung bà, khiến bà và các con rất hoảng sợ. Cuối năm 2012 bà quyết định ly thân với ông M, nay nhận thấy tình cảm không còn nên bà xin được ly hôn.

Về quan hệ con chung: Bà và ông M có 02 con chung tên Nguyễn Văn Q, sinh năm: 1992 và Nguyễn Thị Thùy Q, sinh ngày 02/3/2002, hiện cháu Nguyễn Văn Q đã trưởng thành và có gia đình riêng, riêng cháu Thùy Q do bà B chăm sóc. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn, bà yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Thùy Q, không yêu cầu ông M cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà B và ông M không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Nguyễn Văn M được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, Tòa án đã đến tận nhà ông đã ghi lời khai nhưng ông cũng không có mặt nên tiến hành lập biên bản về việc không làm việc được với đương sự vào ngày 06/9/2018.

Chứng cứ thu thập được:

Bà Nguyễn Thị H trình bày: Bà là chị ruột của bà B. Hôn nhân giữa bà B và ông M đúng như lời bà B trình bày, bà B kiên quyết ly hôn với ông M là do bị bạo hành gia đình trong thời gian dài. Bà đã chờ đợi để ông M thay đổi nhưng không được, thậm chí còn đánh nhiều hơn và dọa sẽ giết mẹ con bà. Quá hoảng sợ nên bà và các con bỏ đi Bình Dương làm công nhân và ly thân với ông M cho đến nay. Nhận thấy không thể hàn gắn và tình cảm vợ chồng với ông M cũng không còn nên bà nộp đơn xin ly hôn.

Tại phiên tòa hôm nay bà B có đơn xin xét xử vắng mặt, riêng ông M đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để nghe xét xử nhưng ông vẫn vắng mặt nên HĐXX xét xử vắng mặt ông bà theo thủ tục chung.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán trong việc thu thập chứng cứ, xác định tư cách của những người tham gia tố tụng là hoàn toàn phù hợp với pháp luật tố tụng dân sự. Đối với thành phần Hội đồng xét xử không có thành viên nào thuộc đối tượng phải thay đổi, việc xét hỏi tại phiên tòa, thời hạn xét xử cũng như thủ tục xét xử được đảm bảo. Về nội dung giải quyết vụ án, xét thấy yêu cầu ly hôn của bà B là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHÂN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

Về thủ tục tố tụng: Bà B xin được ly hôn với ông M. Ông M hiện đang cư trú tại huyện A, tỉnh An Giang. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang.

Về quan hệ hôn nhân:

Hôn nhân giữa bà B và ông M có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện An Phú, tỉnh An Giang nên phát sinh trách nhiệm pháp lý, phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên, nên được pháp luật bảo vệ.

Xét yêu cầu của bà B xin được ly hôn với ông M, HĐXX xét thấy:

Mặc dù Tòa án không trực tiếp làm việc được với ông M và ông cũng không tham gia hòa giải tại Tòa án. Tuy nhiên, qua làm việc với bà B và chứng cứ thu thập được qua lời trình bày của bà H là người thân, nhận thấy mâu thuẫn của ông, bà là thật sự trầm trọng, nguyên nhân mâu thuẫn là do bà B bị ông M bạo hành nhiều năm đã được chính quyền địa phương và Công an đã làm việc nhưng ông không thay đổi, nay ông M có hành vi uy hiếp đến tính mạng mẹ con bà. Xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, do đó yêu cầu ly hôn của bà B là chính đáng và hoàn toàn có căn cứ để chấp nhận theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về quan hệ con chung: Bà và ông M có 02 con chung tên Nguyễn Văn Q, sinh năm: 1992 đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết và Nguyễn Thị Thùy Q, sinh ngày 02/3/2002, hiện do bà B chăm sóc. Khi ly hôn cháu Q có nguyện vọng tiếp tục sống với bà B và bà B cũng đồng ý, HĐXX nghĩ nên chấp nhận.

Theo quy định, khi ly hôn bên không nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, tuy nhiên tại phiên hòa giải bà B không yêu cầu ông M cấp dưỡng, HĐXX nghĩ nên công nhận sự tự nguyện của bà B.

HĐXX cũng giải thích cho bà B biết: Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con là không cố định, sẽ có thay đổi khi có yêu cầu chính đáng của một hoặc cả hai bên và trong thời gian nuôi con ông có nghĩa vụ tạo điều kiện cho ông M đến thăm con chung, không ai cản trở ông M thực hiện quyền này.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà B khai không có, tuy nhiên ông M vắng mặt nên HĐXX không xem xét. Nếu sau này ông M có chứng cứ khác chứng minh có tài sản chung hoặc nợ chung và ông M có yêu cầu thì Tòa án sẽ xem xét thụ lý giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Bà B phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Các Điều 51, 53, 56, điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị B.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị B được ly hôn với ông Nguyễn Văn M.

Về quan hệ con chung: Bà Bên được tiếp tục nuôi con chung tên Nguyễn Thị Th Quyên, sinh năm 2002. Công nhận tự nguyện của bà Bên không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con.

Bà B và những người thân trong gia đình phải tạo điều kiện cho ông M đến thăm con chung, không ai được cản trở ông M thực hiện quyền này.

Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con không cố định sẽ thay đổi khi có yêu cầu chính đáng của một hoặc cả hai bên.

Về án phí: Bà Trần Thị B phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân sơ thẩm (được chuyển từ tiền tạm ứng án phí mà bà B đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A theo biên lai thu số 0009184 ngày 24/7/2018).

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (31/10/2018) các bên có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Thời hạn kháng cáo của các đương sự vắng mặt là 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

(*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi*

hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự).

Nơi nhận:

- VKS huyện;
- TAT An Giang;
- THA huyện;
- Các đương sự;
- Lưu VP;
- Lưu HS.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thanh Hoàng